Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8484.10.00

Mã HS	8484.10.00
Mô tả hàng hóa	Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu khác hoặc bằng hai hoặc nhiều lớp kim loại; bộ hoặc một số chủng loại đệm và gioăng tương tự, thành phần khác nhau, được đóng trong các túi, bao hoặc đóng gói tương tự; bộ làm kín kiểu cơ khí / - Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu khác hoặc bằng hai hoặc nhiều lớp kim loại
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 05:52:17
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84841000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14652
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14652
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14652
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.1	2,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14007
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13948
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13948
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13948
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13948
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13948
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13948
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14002
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14002
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14002
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14002

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14002
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14002
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14003
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14003
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14003
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14003
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14003
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14003
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14006
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13954
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13962
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13962
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13962
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13962
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13962
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13962
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13993
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13993
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13993
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13993
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13993
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13993
VCFTA	2022	2022	3	VC!D14048
VCFTA	2023	2023	3	VC!E14048
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14048
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14048

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14048
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14048
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14025
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14025
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14025
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14025
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14025
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14025
AHKFTA	2022	2022	2	AKH!D14025
AHKFTA	2023	2023	1	AKH!E14025
AHKFTA	2024	2024	1	AKH!F14025
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G14025
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H14025
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14025
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14040
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14040
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14040
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14040
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14040
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14040
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14039
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14039
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14039
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14039
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14039
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14039

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14032
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14032
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14032
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14032
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14032
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14032
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14032
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14027
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14027
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14027
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14027
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14027
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14027
RCEP B	2022	2022	0	B!D14027
RCEP B	2023	2023	0	B!E14027
RCEP B	2024	2024	0	B!F14027
RCEP B	2025	2025	0	B!G14027
RCEP B	2026	2026	0	B!H14027
RCEP B	2027	2027	0	B!I14027
RCEP C	2022	2022	0	C!D14027
RCEP C	2023	2023	0	C!E14027
RCEP C	2024	2024	0	C!F14027
RCEP C	2025	2025	0	C!G14027
RCEP C	2026	2026	0	C!H14027
RCEP C	2027	2027	0	C!I14027
RCEP D	2022	2022	0	D!D14026

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14026
RCEP D	2024	2024	0	D!F14026
RCEP D	2025	2025	0	D!G14026
RCEP D	2026	2026	0	D!H14026
RCEP D	2027	2027	0	D!I14026
RCEP E	2022	2022	0	E!D14030
RCEP E	2023	2023	0	E!E14030
RCEP E	2024	2024	0	E!F14030
RCEP E	2025	2025	0	E!G14030
RCEP E	2026	2026	0	E!H14030
RCEP E	2027	2027	0	E!I14030
RCEP F	2022	2022	0	F!D14027
RCEP F	2023	2023	0	F!E14027
RCEP F	2024	2024	0	F!F14027
RCEP F	2025	2025	0	F!G14027
RCEP F	2026	2026	0	F!H14027
RCEP F	2027	2027	0	F!I14027
VIFTA	2024	2024	2.7	VI!F13031
VIFTA	2025	2025	2.4	VI!G13031
VIFTA	2026	2026	2.1	VI!H13031
VIFTA	2027	2027	1.8	VI!I13031

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8484.10.00 có mã Chương 98 tương ứng 9818.30.00 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- Đệm và gioăng tương tự làm bằng tấm kim loại mỏng kết hợp với các vật liệu dệt khác hoặc bằng hai hay nhiều lớp kim loại	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8484.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 8484.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14652), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.